

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật được đánh giá theo tiêu chí “đạt/ không đạt”. Nhà thầu “đạt” tất cả các nội dung dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và được đánh giá tiếp ở bước sau, nhà thầu “không đạt” một trong các nội dung dưới đây thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu và sẽ bị loại.

STT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu tối thiểu để đạt	Cách đánh giá
1	Tính phù hợp tổng thể của HSDT kỹ thuật	HSDT phải nhận diện đúng bản chất gói thầu; nêu đúng quy mô, hạng mục chính, điều kiện hiện trường, rủi ro chính của công trình kênh tiêu nước; phản ánh đúng đặc thù thi công trong hành lang hẹp, có công trình lân cận, có nhu cầu duy trì thoát nước trong suốt thời gian thi công; không mô tả chung chung hoặc sao chép máy móc từ công trình khác.	Thuyết minh tổng thể biện pháp thi công. Đạt khi hồ sơ phản ánh đúng quy mô, tính chất và rủi ro của gói thầu. Không đạt khi mô tả sai bản chất công trình, bỏ sót hạng mục chính hoặc trình bày chung chung.
2	Nguồn vật liệu chính và tính khả thi của các nguồn cung cấp	Phải có cam kết của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc cho tối thiểu các vật liệu chính: thép, xi măng, cát, đá, cọc tre. Với từng nguồn, nhà thầu phải nêu rõ nơi xuất hàng thực tế, tuyến vận chuyển, cự ly, phương tiện, tiêu chuẩn chất lượng. Trường hợp nguồn ở xa phải thuyết minh giải pháp của các nguồn cung này và vẫn bảo đảm khả thi so với tiến độ đã chào.	Đạt khi chứng minh được nguồn cung hợp pháp, phù hợp kỹ thuật, khả thi về cự ly, công suất và tiến độ. Không đạt khi tài liệu chỉ mang tính hình thức, không xác định được nguồn xuất hàng thực tế hoặc không chứng minh được khả năng cung ứng.
3	Biện pháp tổ chức thi công tổng thể	Phải có sơ đồ hoặc mặt bằng tổ chức công trường, vị trí lán trại, bãi tập kết vật liệu, khu gia công cốt thép - ván khuôn, đường tiếp cận thi công, vị trí tập kết và đổ thải, cách chia phân đoạn thi công, tổ chức mũi thi công, biện pháp vận hành công trường trong điều kiện mặt bằng hẹp và có dân cư, công trình lân cận.	Thuyết minh tổ chức thi công; bản vẽ mặt bằng tổng thể tổ chức công trường. Đạt khi thể hiện rõ cách tổ chức công trường thực tế. Không đạt khi chỉ nêu nguyên tắc chung, không có sơ đồ hoặc không khả thi.
4	Biện pháp thi công mùa mưa, chuyển dòng và thoát nước tạm	Phải có phương án riêng cho thi công mùa mưa; nêu rõ bờ bao ngăn dòng, dẫn dòng, bơm hút nước hố móng, tiêu thoát nước	Thuyết minh chi tiết; bản vẽ dẫn dòng, bờ bao, thoát nước tạm; phương án ứng phó mưa lớn.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

STT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu tối thiểu để đạt	Cách đánh giá
		tạm, kiểm soát bùn đất, biện pháp không để nước tràn vào khu dân cư, ao hồ, đất vườn; có phương án ứng phó khi mưa lớn, lưu lượng tăng đột biến	Đạt khi có trình tự thi công, thông số kỹ thuật, vị trí bố trí và phương án dự phòng cụ thể. Không đạt khi chỉ nêu khẩu hiệu chung, không có bản vẽ hoặc không chứng minh được việc duy trì thoát nước trong suốt thời gian thi công.
5	Biện pháp phá dỡ công trình cũ, đào móng và vận chuyển thải	Phải nêu riêng biện pháp phá dỡ kết cấu bê tông cốt thép hiện trạng, đào móng bằng máy và bằng thủ công theo từng vị trí, vận chuyển phế thải, biện pháp kiểm soát không rơi vãi, sạt trượt, ảnh hưởng đến nhà dân và công trình lân cận.	Thuyết minh biện pháp; bản vẽ hoặc mặt cắt đào móng; phương án vận chuyển và đổ thải. Đạt khi thể hiện đầy đủ trình tự, thiết bị, phạm vi và biện pháp an toàn. Không đạt khi sơ sài hoặc bỏ sót phương án đổ thải, bảo vệ công trình lân cận.
6	Biện pháp xử lý nền yếu bằng cọc tre	Phải nêu rõ phạm vi áp dụng, trình tự thi công, tiêu chuẩn cọc tre, đường kính, chiều dài, mật độ, cách kiểm tra chất lượng, nghiệm thu cọc tre, biện pháp phối hợp với công tác đào móng, đệm móng và bê tông lót; thể hiện rõ giải pháp bảo vệ nền sau khi đóng cọc và trước khi đổ bê tông.	Thuyết minh chi tiết; bản vẽ bố trí cọc tre; quy trình kiểm tra và nghiệm thu cọc tre. Đạt khi mô tả đầy đủ quy trình kỹ thuật và kiểm soát chất lượng. Không đạt khi chỉ nêu "đóng cọc theo thiết kế" mà không có quy trình và kiểm soát.
7	Biện pháp thi công kết cấu kênh BTCT	Phải nêu riêng trình tự thi công lớp đệm, bê tông lót, cốt thép, ván khuôn, bê tông đáy kênh, tường kênh, giằng chống, bản vọt; nêu rõ công tác bảo dưỡng bê tông, xử lý mạch ngừng, kiểm soát hình học, bảo vệ bê tông trong điều kiện có nước và mùa mưa.	Thuyết minh biện pháp chi tiết; bản vẽ biện pháp thi công đáy - tường - giằng - bản vọt. Đạt khi trình tự, thiết bị, nhân lực và kiểm soát chất lượng rõ ràng. Không đạt khi thiếu bước hoặc thiếu giải pháp cụ thể.
8	Khe phòng lún, quét bitum và ống PVC D110 thu nước mặt	Phải nêu rõ biện pháp thi công, vị trí áp dụng, vật liệu sử dụng, trình tự nghiệm thu đối với khe phòng lún, lớp quét bitum, lớp bao tải và	Thuyết minh; bản vẽ chi tiết; danh mục vật liệu và chỉ tiêu kiểm soát. Đạt khi mô tả cụ thể từng

STT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu tối thiểu để đạt	Cách đánh giá
		vị trí bố trí ống PVC D110; có giải pháp bảo vệ ống, bảo vệ khe trong suốt quá trình thi công và hoàn trả.	công tác. Không đạt khi bỏ sót hoặc trình bày quá chung.
9	Biện pháp thi công công hộp BTCT 2x2m và rọ đá chống xói	Phải nêu rõ đào móng công, xử lý nền, lớp đệm, bê tông móng, thân công, bản đỉnh, bản giảm tải, tường đầu, tường cánh, đắp hoàn thiện và xếp rọ đá thượng hạ lưu; có giải pháp bảo đảm lối đi, giao thông hoặc tiếp cận trong thời gian thi công nếu bị ảnh hưởng.	Thuyết minh chi tiết; bản vẽ biện pháp công hộp và rọ đá. Đạt khi đầy đủ trình tự, có giải pháp thi công, hoàn trả và chống xói. Không đạt khi bỏ sót hạng mục phụ trợ hoặc không có bản vẽ.
10	Tiến độ thi công và huy động nguồn lực	Phải có tiến độ tổng thể và tiến độ chi tiết theo phân đoạn hoặc hạng mục; có bảng huy động nhân lực, thiết bị, vật liệu theo tiến độ; có sơ đồ hoặc ma trận thể hiện sự phối hợp giữa mũi thi công, nhân lực, thiết bị và vật liệu; tiến độ phải phù hợp với biện pháp cuốn chiếu, dẫn dòng, mùa mưa và nguồn cung vật liệu.	Tiến độ tổng thể; tiến độ chi tiết; bảng huy động; ma trận liên kết tiến độ - nguồn lực. Đạt khi tiến độ có logic, khớp với biện pháp thi công và khả năng cung ứng. Không đạt khi tiến độ hình thức, không gắn với nguồn lực.
11	Kiểm soát chất lượng vật liệu, thí nghiệm và nghiệm thu	Phải có kế hoạch QA/QC; nêu tiêu chuẩn áp dụng, danh mục chỉ tiêu kiểm soát, tần suất thí nghiệm hoặc phân chia lô, điểm dừng kỹ thuật, nhật ký và nghiệm thu nội bộ. Tối thiểu phải bao gồm: cát, đá, xi măng, thép, cọc tre, bê tông, đất đắp, kích thước hình học kênh và công.	Kế hoạch QA/QC; kế hoạch thí nghiệm; biểu mẫu nghiệm thu; danh mục tiêu chuẩn áp dụng. Đạt khi có đầy đủ chỉ tiêu, tần suất, quy trình và hồ sơ biểu mẫu. Không đạt khi chỉ nêu "thí nghiệm theo quy định".
12	ATLD, điện thi công, PCCC, môi trường	Phải có biện pháp hàng rào, biển báo, chiếu sáng, cảnh giới, an toàn điện, an toàn máy móc, PCCC, kiểm soát bụi - tiếng ồn - độ rung, thu gom chất thải, che chắn vận chuyển, vệ sinh công trường, biện pháp riêng cho khu vực dân cư và công trình lân cận.	Kế hoạch ATLD; phương án điện thi công; PCCC; môi trường; bãi thải. Đạt khi biện pháp cụ thể, khả thi, có phân công trách nhiệm. Không đạt khi thiếu phương án riêng cho khu dân cư hoặc thiếu bãi thải, điện, PCCC.
13	Phối hợp với dân cư, công	Phải có phương án khảo sát, lập biên bản hiện trạng trước thi	Phương án phối hợp dân cư; mẫu biên bản hiện

STT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu tối thiểu để đạt	Cách đánh giá
	trình lân cận và hoàn trả sau thi công	công; thông báo kế hoạch thi công; bảo đảm lối đi tạm, thoát nước tạm; bảo vệ tài sản, bờ rào, ao hồ, cây trồng, công trình lân cận. Việc tháo dỡ hoặc di dời chỉ thực hiện trong phạm vi mặt bằng đã bàn giao hợp pháp hoặc có biên bản thống nhất. Nhà thầu phải cam kết hoàn trả và khắc phục cho các hộ dân vật kiến trúc như tường rào, cổng ngõ, cây trồng lâu năm v.v... trong quá trình giải phóng mặt bằng thi công bằng chi phí của nhà thầu.	trạng; phương án lối đi tạm, thoát nước tạm; cam kết hoàn trả. Đạt khi phạm vi trách nhiệm rõ, có tính khả thi. Không đạt khi chỉ nêu khẩu hiệu hoặc đưa ra cam kết mơ hồ, không xác định được phạm vi thực hiện.
14	Quản lý rủi ro, xử lý sự cố, ứng phó mưa lũ và bảo hành	Phải có bảng nhận diện rủi ro theo từng phân đoạn; có phương án xử lý sạt lở hố móng, tràn nước, tắc dòng, lún, nứt, xói, hư hỏng cục bộ; có vật tư, thiết bị, nhân lực ứng trực; có đầu mối xử lý sự cố và quy trình xử lý trong thời gian bảo hành.	Bảng rủi ro; phương án xử lý sự cố; kế hoạch ứng phó mưa lũ; kế hoạch bảo hành. Đạt khi rủi ro được nhận diện cụ thể và có giải pháp ứng trực khả thi. Không đạt khi không có bảng rủi ro hoặc không có quy trình xử lý.
15	Bản vẽ biện pháp thi công	Toàn bộ biện pháp chính phải kèm bản vẽ chi tiết, tối thiểu gồm: mặt bằng tổ chức công trường; phân đoạn cuốn chiếu; dẫn dòng và bờ bao; thoát nước tạm; mặt cắt đào móng; bố trí cọc tre; thi công đáy và tường kênh; cống hộp 2x2m; rọ đá; lối đi tạm; hoàn trả sau thi công. Không chấp nhận hình minh họa trực quan chung, sơ đồ không có kích thước hoặc cao độ.	Bộ bản vẽ biện pháp thi công. Đạt khi có đầy đủ bản vẽ chi tiết và thông số kỹ thuật để kiểm tra tính khả thi. Không đạt khi chỉ có hình minh họa chung hoặc sơ đồ không đủ dữ liệu.
16	Thời gian bảo hành công trình	Đáp ứng thời gian bảo hành theo quy định của pháp luật về xây dựng và đáp ứng tối thiểu đối với công trình này	Đạt khi có cam kết thời gian bảo hành đạt yêu cầu. Không đạt khi không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng
17	Danh mục tài liệu kỹ thuật tối thiểu phải nộp cùng HSDT	Phải nộp đầy đủ: thuyết minh tổng thể; thuyết minh biện pháp chi tiết từng công tác; bộ bản vẽ biện pháp; tiến độ; bảng huy động; hồ sơ nguồn vật liệu;	Đạt khi nộp đủ, nội dung thống nhất giữa các tài liệu. Không đạt khi thiếu tài liệu tối thiểu hoặc hồ sơ mâu thuẫn nhau.

STT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu tối thiểu để đạt	Cách đánh giá
		QA/QC - thí nghiệm - nghiệm thu; ATLĐ - môi trường - PCCC - điện thi công; phương án phối hợp dân cư; phương án rủi ro, sự cố, ứng phó mưa lũ và bảo hành.	

(Ghi chú: Nhà thầu chịu trách nhiệm với tính chuẩn xác, đầy đủ của các tài liệu thuộc mục tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật. Các tài liệu nhà thầu cung cấp không đầy đủ, rõ ràng theo yêu cầu của HSMT sẽ xem như không đáp ứng và hồ sơ của nhà thầu bị loại. Nội dung này Chủ đầu tư không làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá).

Tài liệu yêu cầu nộp kèm nhưng không dùng để chấm đạt/không đạt về kỹ thuật

Tài liệu	Nội dung HSDT nộp bổ sung
Bảng phân tích chi tiết đơn giá dự thầu	Yêu cầu nhà thầu nộp kèm để phục vụ quản lý hợp đồng đơn giá điều chỉnh, thương thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng; không sử dụng làm tiêu chí đạt/không đạt về kỹ thuật.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.